TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2018/DS-PT
Ngày: 25-6-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hội

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Tấn

Ông Lê Thành Tôn

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lâm Hồng Diễm– Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa***: Ông Lê Thành Biên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 68/2018/TLPT- DS ngày 09 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DS-ST ngày 16/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2018/QĐPT-DS ngày 28 tháng 5 năm 2018 giữa:

1. *Nguyên đơn*: Phan Văn L; sinh năm: 1967;

Địa chỉ: đường L, khóm Mỹ T, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp;

- *Người đại diện theo ủy quyền* của ông L là ông Nguyễn Xuân K; sinh năm: 1954; địa chỉ: Khóm 2, Phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 12/10/2017). (Có mặt)

2. *Bị đơn*: Dương Thị Mai Kh, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp An Đ, xã An B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; (Có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Đinh Điền S; sinh năm: 1975; địa chỉ: ấp An Đ, xã An B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt)

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Xuân K trình bày: Ngày 18/11/2014, chị Kh và anh S có vay của ông L số tiền 700.000.000 đồng, thời hạn vay là 05 tháng tính từ ngày 18/11/2014 đến ngày 18/4/2015 với lãi suất 10%/năm. Khi vay chị Kh có làm biên nhận. Đến ngày 11/5/2015 chị Kh và anh S có trả cho ông L số tiền vốn 200.000.000 đồng và trả lãi đến ngày 11/5/2015. Chị Kh và anh S còn nợ lại ông L số tiền vốn gốc là 500.000.000 đồng, chị Kh và anh S yêu cầu giãn nợ lại thời hạn 10 tháng sẽ trả hết số tiền vốn gốc và lãi cho ông L do vợ chồng chị Kh đang đầu tư kinh doanh hạt cau xuất khẩu và mua bán bò chưa thu được tiền. Sự thỏa thuận giãn nợ này các bên thống nhất với nhau nhưng không có làm văn bản. Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ, ông L có yêu cầu trả nợ nhưng chị Kh, anh S cứ hứa hẹn nhiều lần mà không thực hiện. Nay ông L yêu cầu chị Kh, anh S phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông L số tiền vốn gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi 0.83%/tháng tính từ ngày 12/5/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 16/3/2018 (làm tròn là 34 tháng) là 141.100.000 đồng; Tổng cộng vốn và lãi là 641.100.000 đồng.

- Bị đơn chị Dương Thị Mai Kh và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đinh Điền S đã được tống đạt thông báo thụ lý, thông báo phiên họp, hòa giải và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng vợ chồng chị Kh, anh S không có văn bản ý kiến, không tham gia phiên họp, hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tại bản án số 12/2018/DSST ngày 16/3/2018 của Tòa án huyện C tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Phan Văn L đối với chị Dương Thị Mai Kh.

Buộc chị Dương Thị Mai Kh có trách nhiệm trả cho ông Phan Văn L số tiền vay gốc và lãi là 641.100.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi mốt triệu một trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng phía người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Phan Văn L đối với anh Đinh Điền S.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Dương Thị Mai Kh phải chịu 32.055.000 đồng tiền án phí sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Ông Phan Văn L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 16166 ngày 13/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C; số tiền còn lại hoàn trả cho ông L là 15.700.000đ.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hạn theo luật định.

- Ngày 02/4/2018 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C có Quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị phúc thẩm bản án dân sự sơ thẩm số 12/2018/DSST ngày 16/3/2018 của Tòa án huyện C.

Nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát như sau: Nguyên đơn ông Phan Văn L yêu cầu chị Kh, anh S liên đới trả cho ông số tiền vốn gốc 500.000.000 đồng và tiền lãi 0,83%/tháng tính từ ngày 12/5/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 16/3/2018 (làm tròn 34 tháng) là 141.100.000 đồng. Tổng cộng là 641.100.000 đồng, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Theo quy định tại điểm c khoản 1 phần II mục A danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016) quy định:

Đối với tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình có giá ngạch từ trên 400.000.000 đồng đến 800.000.000 đồng thì án phí là 20.000.000 đồng + 4% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng.

Theo quy định trên chị Kh phải chịu án phí sơ thẩm là 29.644.000đ (20.000.000đ + (4% x 241.100.000đ). Tuy nhiên, án sơ thẩm buộc chị Kh phải nộp 32.055.000đ tiền án phí sơ thẩm là chưa đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án Tỉnh sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng nhận định trên.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Viện kiểm sát vẫn giữ nội dung kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 02/4/2018.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 02/4/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân

huyện C, sửa một phần bản án sơ thẩm về tiền án phí.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Phan Văn L yêu cầu chị Dương Thị Mai Kh, anh Đinh Điền S có trách nhiệm liên đới trả cho ông L số tiền vốn gốc 500.000.000 đồng và tiền lãi 0.83%/tháng tính từ ngày 12/5/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm 16/3/2018 (làm tròn là 34 tháng) là 141.100.000 đồng; Tổng cộng là 641.100.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 18/11/2014, ông L có cho chị Dương Thị Mai Kh vay số tiền 700.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận cho vay trong thời hạn 05 tháng tính từ ngày 18/11/2014 với lãi suất 10%/năm, chị Kh có làm biên nhận vay tiền ngày 18/11/2014 có chữ ký tên và chữ viết họ tên Dương Thị Mai Kh. Sau khi vay đến ngày 11/5/2015, chị Kh có trả cho ông L số tiền vốn 200.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 11/5/2015, số tiền gốc còn lại 500.000.000 đồng tính đến nay chị Kh không có trả cho ông L, mặc dù ông L yêu cầu chị Kh trả số tiền còn lại rất nhiều lần nhưng chị Kh cứ hứa hẹn mà không thực hiện.

[2] Tại Điều 463 Bộ luật dân sự quy định: "Hợp đồng vay tài sản là sự thoả thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay, khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định" và tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định "Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn". Vì vậy, án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu của ông L buộc chị Kh phải trả số tiền vốn vay và số tiền lãi còn lại cho ông L là có căn cứ.

[3] Đối với yêu cầu của ông Phan Văn L yêu cầu anh Đinh Điền S có trách nhiệm liên đới cùng chị Dương Thị Mai Kh trả cho ông số tiền vốn gốc và tiền lãi 0.83%/tháng tính từ ngày 12/5/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm 16/3/2018 tổng cộng là 641.100.000 đồng vì ông cho rằng anh S và chị Kh là vợ, chồng, mục đích vay tiền để làm ăn chung và khi ông giao nhận tiền thì có mặt cả chị Kh và anh S, nhưng đó chỉ là lời trình bày của ông L và ông cũng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh là anh S cùng chị Kh trực tiếp nhận số tiền 700.000.000 đồng từ ông, cũng như anh S có sử dụng chung số tiền mà chị Kh đã vay của ông. Tuy nhiên, trong biên nhận vay tiền ngày 18/11/2014 chỉ có chữ ký tên và chữ viết của chị Kh. Vì vậy, ông L yêu cầu anh S có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng với chị Kh, án sơ thẩm xử không chấp nhận một phần yêu cầu của ông là có căn cứ.

[4] Sau khi án sơ thẩm xử ông L, chị Kh, anh S không kháng cáo. Ngày 02/4/2018 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C có Quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị phúc thẩm bản án dân sự sơ thẩm số

12/2018/DSST ngày 16/3/2018 của Tòa án huyện C. Đề nghị Tòa án Tỉnh sửa một phần bản án sơ thẩm về phần án phí.

Xét kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 02/4/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C là có căn cứ. Bởi vì, án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của ông Phan Văn L, buộc chị Kh phải trả cho ông số tiền vay gốc và lãi là 641.100.000 đồng và buộc chị Kh phải chịu 32.055.000 đồng tiền án phí sơ thẩm.

Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị Kh phải chịu 32.055.000 đồng tiền án phí sơ thẩm là chưa đúng theo quy định tại điểm c khoản 1 phần II mục A danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016).

Tại điểm c khoản 1 phần II mục A danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016) quy định:

Đối với tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình có giá ngạch từ trên 400.000.000 đồng đến 800.000.000 đồng thì án phí là 20.000.000 đồng + 4% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng.

Theo quy định trên chị Kh phải chịu án phí sơ thẩm là 29.644.000đ (20.000.000đ + (4% x 241.100.000đ) nhưng án sơ thẩm xử buộc chị Kh phải nộp 32.055.000đ tiền án phí sơ thẩm là chưa đúng quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 02/4/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C, sửa một phần bản án sơ thẩm về phần án phí.

Tuy nhiên, đối với quyết định của bản án sơ thẩm tuyên chưa cụ thể rõ ràng, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh cách tuyên cho phù hợp.

[4] Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 02/4/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C, sửa một phần bản án sơ thẩm về phần án phí. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 429; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 02/4/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C.

2. Sửa một phần bản án sơ thẩm số: 12/2018/DS-ST ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C về phần án phí.

- Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Phan Văn L đối với chị Dương Thị Mai Kh.

Buộc chị Dương Thị Mai Kh có trách nhiệm trả cho ông Phan Văn L số tiền vay gốc và lãi là 641.100.000 đồng (Sáu trăm bốn mươi mốt triệu một trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi cho số tiền còn phải thi hành bằng 50% theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Phan Văn L yêu cầu anh Đinh Điền S phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng với chị Dương Thị Mai Kh.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Dương Thị Mai Kh phải chịu 29.644.000 đồng tiền án phí sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Ông Phan Văn L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 16166 ngày 13/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C; số tiền còn lại hoàn trả cho ông L 15.700.000đ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
- TAND huyện C;
- Phòng KTNV- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Phước Hội